GRADE 1

Unit 5: This is my nose
(đây là cái mũi của tôi)

G1-U5-LESSON 1

	ARMS	những cánh tay	am x
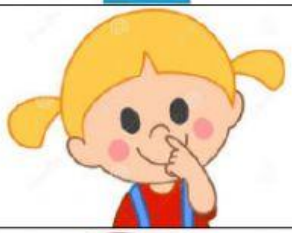	**NOSE**	cái mũi	nâu z
	FACE	cái mặt	phây x

Game 1 ☺ Game 2 ☺ Game 3 ☺

Game 4 ☺ Game 5 ☺ Game 6 (reorder) ☺

LIVEWORKSHEETS

GRADE 1

G1-U5-LESSON 1 (tiếp theo)

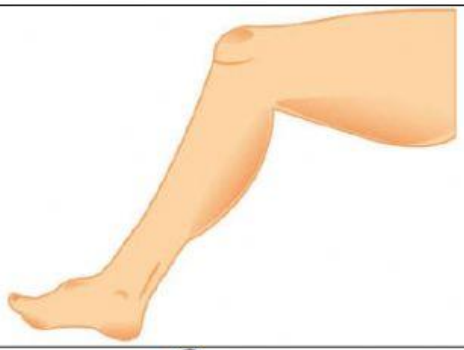	**LEG**	cái chân	lét
	FINGERS	những ngón tay	phính gơ x
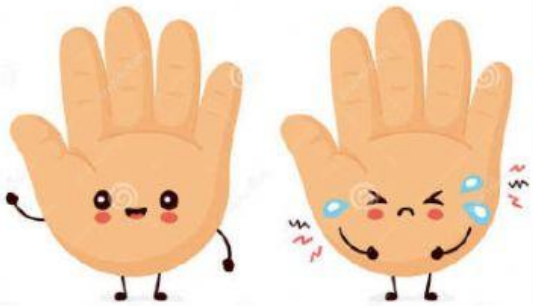	**HANDS**	những bàn tay	han x

Game 1 ☺ Game 2 ☺ Game 3 ☺

Game 4 ☺ Game 5 ☺ Game 6 (reorder) ☺

LIVEWORKSHEETS

GRADE 1

G1-U5-LESSON 2

	ONE ARM: 1 cánh tay (quan am)
	TWO ARMS: 2 cánh tay (tu am x)
	These are my arms: đây là những cánh tay của tôi (đi gia mai am x)
	This is my nose: đây là cái mũi của tôi (đít ix mai nâu z)

Game 1 ☺	Game 2 ☺	Game 3 ☺
Game 4 ☺	Game 5 ☺	Game 6 ☺

LIVEWORKSHEETS

GRADE 1

G1-U5-LESSON 3

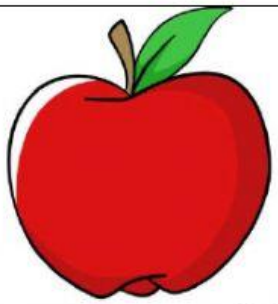	**APPLE**	TRÁI TÁO	áp pồ
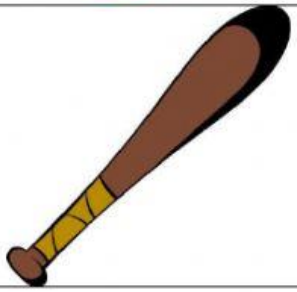	**BAT**	CÂY GẬY	bat
	CAT	CON MÈO	khát
	DOG	con chó	đót
	TUB	BỒN TẮM	thấp

LIVEWORKSHEETS

GRADE 1

	BIRD	CON CHIM	bơ r

Game 1 ☺ Game 2 ☺ Game 3 ☺

Game 4 ☺ Game 5 ☺ Game 6 (reorder) ☺

G1-U5-LESSON 4

	ONE	số 1	quan
	TWO	số 2	tu
	THREE	số 3	tri

LIVEWORKSHEETS

GRADE 1

	FOUR	số 4	pho
	FIVE	số 5	phai

Game 1 ☺ Game 2 ☺ Game 3 ☺

Game 4 ☺ Game 5 ☺ Game 6 (reorder) ☺

LIVEWORKSHEETS

GRADE 1

G1-U5-LESSON 5

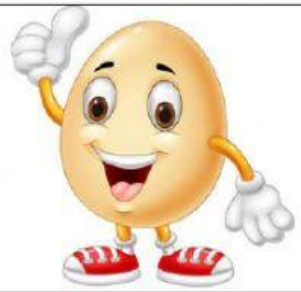	**EGG**	quả trứng	ét g
	FIG	trái sung	phích
	GOAT	con dê	gâu t
	HAT	cái nón	hát
	LEAF	chiếc lá	líp ph

LIVEWORKSHEETS

GRADE 1

	DOG	con chó	đót

Game 1 ☺ Game 2 ☺ Game 3 ☺

Game 4 ☺ Game 5 ☺ Game 6 (reorder) ☺

LIVEWORKSHEETS